

BIỂU TRƯNG CÚ PHÁP NGÔN NGỮ THỨ HAI Ở TRẺ EM VIỆT NAM HỌC TIẾNG ANH

Từ Phụng Ngọc*, Từ Phụng Trân**

TÓM TẮT

Title: *Second Language Syntactic Representation in Young Vietnamese Learners of English*

Từ khóa: Tâm ngữ học, biểu trưng cú pháp song ngữ, khởi động cú pháp, câu ngoại động từ, câu tặng cách

Keywords: *Psycholinguistics, bilingual syntactic representation, syntactic priming, transitives, datives*

Lịch sử bài báo

Ngày nhận bài: 26/4/2023

Ngày nhận kết quả bình duyệt: 05/5/2023

Ngày chấp nhận đăng bài: 10/6/2023

Tác giả:

* Trường Đại học Sư phạm Nam Kinh, Giang Tô, Trung Quốc;

** Trường Đại học Yersin, Đà Lạt, Lâm Đồng, Việt Nam

** Trường Đại học Đà Lạt, Lâm Đồng, Việt Nam

Email: tuphungnocoedl@gmail.com

Nghiên cứu về Biểu trưng cú pháp (BTCP) song ngữ chủ yếu tập trung vào người học có trình độ ngôn ngữ thứ hai (L2) cao; hiện nay vẫn còn rất ít nghiên cứu về BTCP L2 ở giai đoạn đầu. Đối với các cấu trúc có trật tự từ giống nhau giữa hai ngôn ngữ, người học ở giai đoạn đầu có thể hình thành BTCP L2 trừu tượng hay không vẫn còn là vấn đề gây tranh cãi. Vì vậy chúng tôi chọn 50 học sinh người Việt Nam 10-13 tuổi để làm thí nghiệm "Mô tả tranh thông qua nghe kịch bản của người hợp tác" trên hai dạng cấu trúc: ngoại động từ (Thí nghiệm 1) và tặng cách (Thí nghiệm 2). Kết quả nghiên cứu cho thấy, dù ở bất kì điều kiện nào, hiện tượng KĐCP và tăng cường từ vựng đều xảy ra; và vì vậy người mới học L2 vẫn có thể hình thành BTCP trừu tượng. Ngoài ra, người học còn tạo nhiều câu có cấu trúc tương tự được sử dụng nhiều trong ngôn ngữ mẹ đẻ (L1), cho thấy tần suất sử dụng cấu trúc trong tiếng Việt cũng ảnh hưởng rất nhiều đến việc lựa chọn cấu trúc trong tiếng Anh.

ABSTRACT

Studies on bilingual syntactic representation have mostly focused on highly proficient second language learners; nowadays there are still very few studies on bilingual syntactic representations at early stages. The question of whether learners at early stages can form abstract bilingual syntactic representations for structures that have similar word order between two languages. To address this question, the author conducted two experiments "Describe pictures by listening to the scenario of the collaborator" on two types of structures: transitive verbs (Experiment 1) and datives. (Experiment 2) among 50 Vietnamese students aged 10 to 13. Results showed that in any condition, abstract priming and lexical boost effects happened, so second-language beginners could still form abstract bilingual syntactic representations. In addition, learners also formed many sentences with similar structures which are frequently used in their L1. Showing that the frequency of Vietnamese structure usage strongly influenced English structure selection.

1. Đặt vấn đề

Biểu trưng là khái niệm thường dùng trong lĩnh vực tâm lý học để chỉ hình thức lưu trữ thông tin nhận được từ thế giới khách quan vào trong não người. Trong các thông tin được lưu trữ này không thể không kể đến thông tin mang tính ngôn ngữ. Biểu trưng ngôn ngữ giúp con người có thể sản sinh lời nói và hiểu biết ngôn ngữ nhằm

thực hiện các hoạt động trao đổi và giao tiếp hàng ngày (Wang, Yang & Li, 2015).

Trong mô hình sản sinh lời nói của Levelt (1989), ông cho rằng trước khi hình thành lời nói mà tai người có thể nghe thấy, lời nói trong tâm trí con người phải ở dạng biểu trưng ngôn ngữ, lần lượt được xử lý qua ba tầng: (1) Tầng biểu trưng khái niệm (mang thông tin ngữ nghĩa của một khái

niệm cụ thể), (2) Tầng biểu trưng cú pháp - từ vựng (mang thông tin từ vựng và mã hóa thông tin ngữ pháp) và (3) Tầng biểu trưng hình thái (chứa thông tin hình thái, âm vị học của từ vựng được mã hóa). Trong đó, biểu trưng cú pháp - từ vựng đóng vai trò quan trọng trong việc lựa chọn từ vựng phù hợp và tạo ra câu có nghĩa. Vì tầng biểu trưng này luôn chứa nhiều tiết điểm mang thông tin về từ vựng như từ loại (danh từ, động từ, tính từ, trạng từ, ...); đặc trưng từ (lượng, giới, thời, ...); và cấu trúc kết hợp (các nguyên tắc cấu trúc phù hợp để tạo câu), nên tác giả gọi tắt là 'Biểu trưng cú pháp' hay 'BTCP' thay vì thuật ngữ 'Tầng biểu trưng cú pháp - từ vựng'.

Chomsky (1965) đưa ra lý thuyết Ngữ pháp Phổ quát và cho rằng nhờ có độ dẻo của não mà tất cả trẻ em đều có một thiết bị tiếp thu ngôn ngữ trong não giúp trẻ suy ra các chuẩn mực ngầm của L1 chẳng hạn như các khái niệm về cấu trúc cú pháp hoặc ngữ pháp. Nhờ vậy mà trẻ có thể hiểu và học tập ngôn ngữ nghe được. Tuy nhiên độ dẻo của não chỉ kéo dài trong một thời gian nhất định. Điều này được thể hiện qua việc, người trưởng thành khi bắt đầu học L2 ít có thể tự suy ra được chuẩn mực ngầm của các quy tắc cấu trúc ngữ pháp của ngôn ngữ đó.

Như vậy, có thể thấy hệ thống BTCP trong não người học và sử dụng L2 sẽ vô cùng phức tạp. BTCP của L1 và L2 là một hệ thống thống nhất hay riêng rẽ luôn là vấn đề được quan tâm nhiều nhất. Tuy nhiên, BTCP song ngữ là một vấn đề nghiên cứu vô cùng trừu tượng và khó có thể quan sát trực tiếp được. Phải đến khi, Loebell & Bock (2003) đi tiên phong trong việc thực hiện nghiên cứu thí nghiệm mang tên '**KĐCP xuyên ngôn ngữ**' để nghiên cứu về sự kích hoạt qua lại giữa hệ thống cú pháp của các ngôn ngữ, các nhà nghiên cứu lĩnh vực song ngữ mới dần hiểu hơn về vấn đề này. Trong đó,

khởi động cú pháp (KĐCP) xuyên ngôn ngữ là hiện tượng ngôn ngữ mà người nói lặp lại cấu trúc câu trong ngôn ngữ này sau khi sử dụng hoặc tiếp xúc với cấu trúc câu tương tự trong ngôn ngữ khác. Ví dụ, khi vừa nghe câu tiếng Việt "cô giáo giao học sinh bài tập về nhà" - (câu khởi động, viết tắt '*câu KĐ*'), rất có thể ở câu sau người nói sẽ dùng một câu có cấu trúc tương tự trong tiếng Anh, như câu "the boy gave the girl the letter" - (câu mục tiêu, viết tắt '*câu MT*').

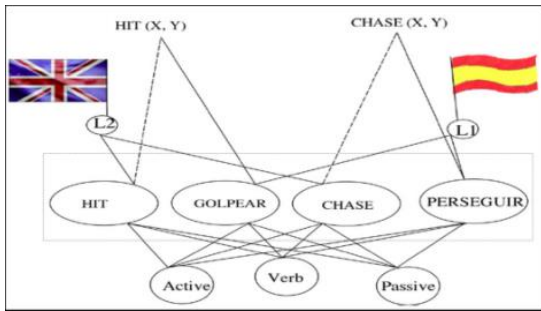
2. Tổng quan nghiên cứu và cơ sở lý thuyết

Trước đây, dựa vào Mô hình sản sinh lời nói của Levelt (1989), De Bot (1992) tin rằng lời nói trong tâm trí người song ngữ phải ở dạng biểu trưng ngôn ngữ, cũng lần lượt được xử lý qua ba tầng, đó là tầng biểu trưng khái niệm, tầng BTCP và tầng biểu trưng hình thái. Tầng khái niệm nội dung lời nói là một hệ thống tương đối thống nhất giữa các ngôn ngữ, nhưng tầng cú pháp và hình thái lại tồn tại ở các hệ thống khác nhau.

Ở một khía cạnh khác, Ullman (2001) cũng có cùng quan điểm và cho rằng, BTCP trong L1 và L2 là hai hệ thống độc lập. Vì khi thụ đắc L1, trẻ có thể tự suy ngầm các công thức cấu trúc trong quá trình nghe môi trường ngôn ngữ xung quanh nên BTCP phần nhiều phụ thuộc vào bộ nhớ quá trình (procedural memory). Đến khi bắt đầu học L2, vì não đã bớt tính dẻo và linh hoạt, kiến thức ngôn ngữ trong L2 chủ yếu dựa vào quá trình học tập thông qua thầy cô và bài học, vì vậy mà BTCP L2 chỉ dựa vào bộ nhớ tường thuật (declarative memory).

Tuy nhiên, phương pháp thí nghiệm 'KĐCP xuyên ngôn ngữ' của Loebell và Bock (2003) cho phép chúng ta hiểu sâu hơn về BTCP song ngữ. Hiện nay, các mô hình do Hartsuiker, Pickering, và Veltkamp (2004), và Hartsuiker và Bernolet (2017) đề xuất có ảnh hưởng tương đối lớn về vấn đề này.

Hartsuiker và cộng sự (2004) nghiên cứu trên một nhóm người nói tiếng Tây Ban Nha (L1) và tiếng Anh (L2), đã phát hiện sau khi được Khởi động bởi câu bị động trong L1 (ví dụ, câu (1) “*El taxi persigue el camión*” - Chiếc xe tải bị xe taxi đuổi theo), các khách thể nghiên cứu có xu hướng lựa chọn dùng cấu trúc bị động khi tạo câu trong L2 (ví dụ, câu (2) “*The bottle was hit by the bullet.*” - Cái chai bị trúng đạn). Nhóm tác giả dùng mô hình của Pickering và Branigan (1998) để giải thích hiện tượng KĐCP xuyên ngôn ngữ, đồng thời đề xuất Mô hình BTCP song ngữ chia sẻ (xem Hình 1).

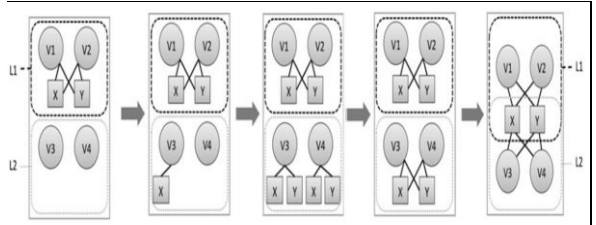


Hình 1. Mô hình BTCP song ngữ chia sẻ (Hartsuiker và cộng sự, 2004)

Họ cho rằng, BTCP song ngữ là một hệ thống chung chứa nhiều tiết điểm mang thông tin về từ vựng như loại ngôn ngữ (L1 hay L2), từ loại, đặc trưng từ và cấu trúc kết hợp. Ví dụ, khi người Tây Ban Nha nói câu (1), tiết điểm động từ ‘persigue’ trong L1 được kích hoạt và tạo liên kết tức thì đến tiết điểm cấu trúc bị động. Vì cùng chia sẻ trong cùng một hệ thống, ở câu nói sau, nếu tiết điểm động từ ‘hit’ trong L2 được kích hoạt và tiếp tục kết nối với tiết điểm cấu trúc bị động, cuối cùng tạo câu (2) (Hartsuiker & cs., 2004; Bernolet, Hartsuiker & Pickering, 2007).

Hartsuiker và cộng sự (2017) cho rằng mô hình trước đây chỉ đúng với trường hợp người song ngữ cân bằng và với những cấu trúc có trật tự hoàn toàn giống nhau giữa

hai ngôn ngữ. Vì vậy, sau khi tổng hợp và phân tích các thành tựu nghiên cứu về yếu tố ảnh hưởng đến BTCP song ngữ được thực hiện trong hơn một thập kỉ (chủ yếu dựa vào nghiên cứu của Schoonbaert, Hartsuiker và Pickering (2007) và Bernolet, Hartsuiker và Pickering (2013)), cuối cùng các tác giả đề xuất ra Mô hình phát triển BTCP song ngữ (xem Hình 2).



Hình 2. Mô hình phát triển BTCP song ngữ (Hartsuiker và cộng sự, 2017)

(Chú thích: V1, V2 là động từ trong L1; V3, V4 là động từ trong L2; X và Y là tiết điểm cấu trúc kết hợp)

Đối với cấu trúc có trật tự câu hoàn toàn giống nhau giữa hai ngôn ngữ, ví dụ như cấu trúc sở hữu cách (genitives) và cấu trúc tặng cách (datives) trong tiếng Anh và tiếng Hà Lan, mô hình cho rằng: Trong giai đoạn đầu, BTCP L1 và L2 là hai hệ thống riêng biệt. Hệ thống L2 chỉ tồn tại ở dạng tiết điểm từ vựng và chưa hề có liên kết đến các tiết điểm cấu trúc kết hợp. Câu trong L2 được hình thành dựa trên kiến thức cú pháp L1 hoặc dùng bộ nhớ ngoài trong quá trình mô phỏng câu trong L2. Ở giai đoạn tiếp theo, BTCP bắt đầu được hình thành, tuy nhiên các tiết điểm cấu trúc kết hợp vẫn còn bị biểu trưng một cách riêng biệt và chỉ có thể liên kết đến một số động từ cố định. Sau khi tần suất tiếp xúc với L2 trở nên nhiều hơn, BTCP L2 bắt đầu được trừu tượng hóa, các tiết điểm cấu trúc kết hợp biến thành một hệ thống chung có thể liên kết đến các động từ khác nhau. Đến giai đoạn L2 trở nên thành thạo, BTCP giữa hai ngôn ngữ trở

thành một thể thống nhất, chia sẻ các tiết điểm với nhau. Hay nói cách khác, mô hình của Hartsuiker và cộng sự (2004) đã mô tả giai đoạn phát triển cao nhất của mạng lưới cú pháp từ vựng ở người song ngữ (Hartsuiker & cs., 2017; Hartsuiker & Bernolet, 2018).

Có thể thấy mô hình của Hartsuiker và cộng sự (2017) đã vạch ra lộ trình phát triển BTCP song ngữ thông qua góc độ phân tích các nghiên cứu về sự ảnh hưởng của trình độ L2 đến hiệu ứng khởi động cấu trúc xuyên ngôn ngữ. Hiện nay, mô hình này đang được rất nhiều học giả trong lĩnh vực nghiên cứu song ngữ quan tâm và mong muốn kiểm chứng, ví dụ như Van Gompel và Arai (2017), Romano (2017), Yang, Wang và Wei (2020), và Yan (2021). Các nghiên cứu kiểm chứng đều thống nhất rằng, đối với những cấu trúc có trật tự hoàn toàn giống nhau giữa hai ngôn ngữ, khi trình độ L2 càng tăng, BTCP song ngữ càng trở nên độc lập với từ vựng và trù tượng hơn. Cuối cùng, BTCP trở thành một hệ thống chia sẻ các tiết điểm với nhau.

Tuy nhiên, vẫn còn rất ít nghiên cứu về BTCP L2 ở giai đoạn bắt đầu. Nguyên nhân là do người bắt đầu học có vốn kiến thức về L2 tương đối ít, điều này gây khó khăn trong việc làm phong phú tài liệu thí nghiệm. Gần đây, sau khi Yan (2021) thực hiện thí nghiệm Mô tả tranh trên 30 sinh viên người Trung Quốc có trình độ tiếng Anh sơ cấp, kết quả cho thấy: Khi được khởi động câu ngoại động từ (transitives) hay câu tặng cách (datives), các sinh viên có xu hướng sử dụng các cấu trúc được khởi động này để tạo câu, xuất hiện hiệu ứng KĐCP L2. Tác giả kết luận rằng ngay trong giai đoạn đầu, BTCP L2 đã có thể được trù tượng ngay, có thể liên kết đến các tiết điểm cấu trúc kết hợp trong L2. Điều này đi ngược lại với quan điểm của

Mô hình phát triển BTCP song ngữ của Hartsuiker và cộng sự (2017). Sự khác biệt này có thể là do Yan (2021) lựa chọn khách thể nghiên cứu là sinh viên đại học - người đã tiếp xúc với tiếng Anh đã lâu (trung bình trên 7 năm). Dù trong cuộc sống thường nhật không tiếp xúc với tiếng Anh, nhưng họ đã tích lũy được rất nhiều kiến thức về ngôn ngữ tiếng Anh, và đã có thể trù tượng hóa BTCP một số cấu trúc ngữ pháp nhất định.

Vì vậy, bài nghiên cứu mong muốn tiếp tục đi sâu vào vấn đề BTCP song ngữ, cụ thể là tìm hiểu sự hình thành BTCP L2 ở giai đoạn học tập ban đầu bằng cách thực hiện thí nghiệm trên nhóm đối tượng người bắt đầu học L2 (cụ thể là trẻ em người Việt Nam học tiếng Anh). Đối với các cấu trúc có trật tự từ giống nhau giữa 2 ngôn ngữ, BTCP L2 ở người mới học L2 là trù tượng ngay hay chỉ tồn tại ở dạng tiết điểm từ vựng và chưa hề có liên kết đến các tiết điểm cấu trúc kết hợp không? Nếu BTCP có thể trù tượng ngay thì sẽ xảy ra hiện tượng KĐCP và hiệu ứng tăng cường từ vựng ngay cả khi từ chức năng chính giữa câu KĐ và câu MT không giống nhau; nếu biểu trưng chỉ tồn tại ở dạng tiết điểm từ vựng và chưa hề có liên kết đến thông tin cú pháp thì sẽ không xuất hiện hiệu ứng KĐCP.

3. Thí nghiệm 1

3.1 Phương pháp nghiên cứu

3.1.1 Khách thể nghiên cứu

50 học sinh từ 10 đến 13 tuổi đang sinh sống tại thành phố Đà Lạt được chọn ngẫu nhiên làm đối tượng nghiên cứu, không kiểm soát giới tính. Độ tuổi trung bình là 11.72 ± 1.1 , và được kiểm tra năng lực bằng bài kiểm tra KET kéo dài 2 tiếng, gồm các kỹ năng tiếng Anh cơ bản: đọc và viết (1 tiếng), nghe (30 phút) và nói (khoảng 30 phút). Kết quả thống kê còn thể hiện không có sự khác

biệt về điểm của bốn kĩ năng giữa các nhóm khách thể có độ tuổi khác nhau ($p > .05$, xem *Bảng 1*). Sau khi tham gia thí nghiệm này, khách thể nghiên cứu đều nhận được một phần thưởng nhỏ.

Bảng 1. Điểm trung bình và độ lệch chuẩn của bốn kĩ năng tiếng Anh ($n=50$)

Kĩ năng	Điểm trung bình (Độ lệch chuẩn)	
Nghe (25/25)	18.14 (± 3.70)	$F(3, 46) = 1.87$, $p = .15$
Nói (45/45)	29.32 (± 6.00)	$F(3, 46) = .53$, $p = .67$
Đọc (30/30)	23.64 (± 3.37)	$F(3, 46) = .92$, $p = .44$
Viết (30/30)	20.44 (± 3.57)	$F(3, 46) = .76$, $p = .53$

Ghi chú: F và p là kết quả phân tích phương sai một chiều về điểm của các kĩ năng giữa các nhóm khách thể có độ tuổi khác nhau

3.1.2 Thiết kế thí nghiệm

Mục đích nghiên cứu là kiểm tra các khách thể có bị ảnh hưởng bởi cấu trúc câu của câu KĐ khi tạo ra câu MT hay không. Vì vậy, tác giả thực hiện phương pháp nghiên cứu thí nghiệm ‘Mô tả tranh thông qua nghe kịch bản của người trợ lý’ (Hartsuiker & cs., 2004) vì đây là một trong những phương pháp phổ biến đáng tin cậy để có thể tạo ra hiệu ứng KĐCP và tạo được môi trường ngôn ngữ thoải mái tự nhiên cho người tham gia nghiên cứu.

Trong mỗi lần thí nghiệm, người tham gia nghiên cứu sẽ gồm một đối tượng nghiên cứu thật và một đối tượng nghiên cứu giả (hay còn gọi là người hợp tác). Người hợp tác là một học sinh tiểu học lớp 5, có nhiệm vụ là giả vờ làm người tham gia thí nghiệm mô tả tranh nhưng thật chất chỉ đọc các câu tiếng Anh trong kịch bản. Nhiệm vụ chủ yếu của khách thể nghiên cứu là nhìn tranh và lặp lại câu (câu KĐ) từ người hợp tác, sau đó nhìn một tranh khác (có sẵn

động từ) và mô tả nội dung tranh (câu MT). Trừ phần giới thiệu quy trình và thao tác thực hiện thí nghiệm là bằng tiếng Việt, thì tiếng Anh là ngôn ngữ duy nhất được cho phép sử dụng trong thí nghiệm.

3.1.3 Tài liệu thí nghiệm

Tài liệu thí nghiệm gồm 40 tranh KĐ, 40 câu KĐ, 20 tranh MT và 20 tranh khác không có mối liên hệ với nội dung chính của nghiên cứu để đảm bảo tính ngẫu nhiên và đồng đều của thí nghiệm. Từ vựng sử dụng trong bài nghiên cứu này dựa vào danh sách từ vựng do đại học Cambridge cung cấp, dành cho trình độ Pre A1 Starters, A1 Movers và A2 Flyers. câu KĐ được chia thành 3 điều kiện thí nghiệm, gồm: (1) 10 câu chủ động - actives; (2) 10 câu bị động - passives; và (3) 20 câu có nội dung và ngữ pháp không liên quan đến thí nghiệm; ví dụ như câu cảm thán, câu ghép, câu phủ định và câu hỏi. Mỗi cặp tranh và câu KĐ đều phải đảm bảo có nội dung liên quan đến nhau. Tất cả các tranh đều có một tác nhân và một người hoặc vật chịu tác động. Vì vị trí của tác nhân có thể ảnh hưởng đến việc tạo câu (Bock, 1986; Hartsuiker & Kolk, 1998), nên tác nhân luôn được đặt ở góc phải của bức tranh. Trong số 20 tranh MT, gốc dưới mỗi tranh đều có một động từ. Các động từ gồm *cut, read, invite, prepare, buy, do, draw, water, hang, explain, steal, paint, clean, carry, attack, give, set, change, kill* và *bake*. Các động từ này đều có thể được diễn tả bằng câu có cấu trúc chủ động hoặc bị động. Đồng thời, để kiểm tra xem thí nghiệm có hiệu ứng tăng cường từ vựng hay không, các động từ giữa câu KĐ và câu MT cũng được chia thành hai điều kiện: (1) giống nhau và (2) khác nhau.

Để tránh khách thể nghiên cứu đoán được nội dung, trật tự trình bày của các cặp

câu đều bị xáo trộn một cách ngẫu nhiên. Thêm vào đó, nhằm đảm bảo khách thể nghiên cứu có đủ thời gian tư duy phù hợp, tác giả còn thiết kế tài liệu thí nghiệm bằng phần mềm Eprime3 và mời ngẫu nhiên 5 học sinh từ 10 đến 13 tuổi (không tham gia thí nghiệm) tiến hành thử nghiệm để kiểm tra xem khoảng cách thời gian giữa các tranh có hợp lý hay không. Kết quả cho thấy khoảng thời gian để 5 học sinh này hoàn thành (nhìn tranh - nghe câu KĐ - nhắc lại câu KĐ - nhìn tranh MT - đặt câu MT) là khoảng 20-30 phút. Vì vậy, khoảng thời gian nhìn tranh - nghe và lặp lại câu KĐ tối đa được mặc định là 10 giây, thời gian nhìn tranh MT - đặt câu MT tối đa là 30 giây.

3.1.4 Quy trình thí nghiệm

Trước khi thực hiện thí nghiệm hai tuần, tác giả củng cố kiến thức về cấu trúc câu bị động trong tiếng Anh cho khách thể nghiên cứu bằng một buổi gặp mặt, kéo dài 90 phút. Sau đó, khách thể được yêu cầu làm bài kiểm tra 30 phút (10/10) về cách đặt câu; kết quả bài kiểm tra của khách thể đạt điểm từ 7 đến 10, điểm trung bình là 8.10 ± 1.05 . Điều này cho thấy tất cả các khách thể đều đã có kiến thức cú pháp để thực hiện thí nghiệm.

Khách thể nghiên cứu được mời lần lượt hoàn thành thí nghiệm một cách độc lập tại một căn phòng yên tĩnh, có đầy đủ ánh sáng. Nội dung mô tả tranh được ghi âm bằng máy ghi âm mini chuyên dụng.

3.1.5 Xử lý số liệu

Sau khi thí nghiệm kết thúc, các đoạn ghi âm được phát lại và chuyển thành văn bản. Tác giả phân loại và tính số lần tạo ra câu có cấu trúc chủ động và bị động trong từng điều kiện khởi động. Do bài nghiên cứu chỉ chú trọng vào BTCP - liên quan đến sự lựa chọn cấu trúc câu, nên tác giả bỏ qua các

lỗi ngữ pháp trong câu do đối tượng tạo ra, ví dụ như sự không nhất quán giữa người và số, mạo từ, thì, v.v. Câu được theo sau bởi một ngoại động từ được đánh dấu là một "câu chủ động" (ví dụ: *The goat ate the flowers.*), bất kể động từ có được theo sau bởi một tân ngữ hay không (ví dụ: *The goat was eating.*). Câu có đối tượng bị tác động ở vị trí chủ ngữ, theo sau là trợ động từ (be, get) và quá khứ phân từ của ngoại động từ được đánh dấu là "câu bị động", bao gồm các cấu trúc bị động hoàn chỉnh (ví dụ: *The flowers are eaten by the goat.*), hoặc các cấu trúc bị động không hoàn chỉnh (ví dụ: *The flowers are eaten.*). Câu được đánh dấu là "Khác" bao gồm các tình huống sau: tạo câu không phải cấu trúc chủ động cũng không phải câu bị động, tạo câu có động từ vị ngữ là nội động từ (ví dụ: *The girl was sleeping.*), những câu vô nghĩa chỉ có danh từ hoặc không thể tạo được câu.

3.2 Kết quả và thảo luận

Trong hai điều kiện khởi động, khách thể nghiên cứu tạo mẫu câu chủ động (906 câu) nhiều hơn câu bị động (73 câu). Kết quả kiểm định Paired-Samples T Test cho thấy tần suất xuất hiện của câu chủ động trong điều kiện khởi động câu chủ động và tần suất xuất hiện câu bị động trong khởi động câu bị động có sự khác biệt (động từ giống: $t(49) = 17.82, p=.000$ và động từ khác: $t(49) = 49.00, p=.000$). Kết quả này tương đồng với Flett, Branigan & Pickering (2012) và Yan (2021), nguyên nhân là do sự lựa chọn cấu trúc L2 ở giai đoạn đầu còn phụ thuộc rất nhiều vào L1. Tần suất sử dụng câu bị động trong tiếng Việt thấp hơn nhiều so với câu chủ động. Câu chủ động được ưa chuộng hơn vì nó có thể giúp cho ngôn ngữ trở nên súc tích, trực quan và dễ hiểu hơn. Đa số câu bị động và câu chủ động trong tiếng Việt không thể luân phiên sử dụng

như nhau; câu bị động mang nghĩa một điều gì đó không được mong đợi (Deng, 2003). Điều này cho thấy, tần số sử dụng cấu trúc câu L1 đóng một vai trò quan trọng trong việc hiểu - sản sinh ngôn ngữ và xây dựng các quy tắc và phạm trù ngôn ngữ L2.

Số câu chủ động mục tiêu trong hai điều kiện khởi động có sự khác biệt về ý nghĩa thống kê (động từ giống: $t(49) = 4.89$, $p=.000$ và động từ khác: $t(49) = 3.09$, $p=.003$). Tương tự, số câu bị động mục tiêu trong hai điều kiện khởi động cũng có sự khác biệt về ý nghĩa thống kê (động từ giống: $t(49) = 6.23$, $p=.000$ và động từ khác: $t(49) = 3.69$, $p=.001$). Tất cả kết quả này cho thấy khi khách thể bị khởi động trong điều kiện cấu trúc câu ngoại động từ, người mới học L2 trình độ chưa cao đều xuất hiện hiệu ứng KĐCP L2 (xem Bảng 2). Phát hiện này giống với kết quả nghiên cứu của McDonough & Mackey (2008, câu Wh-questions trong tiếng Anh), Zhao (2014, câu nội động từ và ngoại động từ trong tiếng Anh), Bao (2017, câu chủ - vị và câu tân ngữ kép trong tiếng Trung), Yan (2021, câu chủ động và bị động trong tiếng Anh). Tác giả có thể kết luận rằng ngay trong giai đoạn đầu, khi học tập về cấu trúc câu ngoại động từ, BTCP L2 ở người học đã có thể được trừu tượng ngay, có thể liên kết đến các tiết điểm cấu trúc kết hợp trong L2. Quan điểm này hoàn toàn không ủng hộ Mô hình phát triển của Hartsuiker và cộng sự (2017), và Hartsuiker và Bernolet (2018). Nguyên nhân có thể là do sự khác biệt về hệ ngôn ngữ giữa các bài nghiên cứu. Cơ sở xây dựng Mô hình phát triển chủ yếu dựa vào thành tựu nghiên cứu của cá ngôn ngữ thuộc ngữ hệ Ấn-Âu; ví dụ, tiếng Tây Ban Nha và tiếng Anh trong nghiên cứu của Hartsuiker và cộng sự (2004), tiếng Hà Lan và tiếng Anh trong nghiên cứu của Schoonbaert & cs.,

(2007), và Bernolet & cs., (2013). Trong khi bài nghiên cứu này, khách thể nghiên cứu sử dụng tiếng Việt (ngữ hệ Nam Á).

Bảng 2. Tỷ lệ và hiệu ứng khởi động của câu ngoại động từ mục tiêu

Câu mục tiêu	Điều kiện động từ	Điều kiện khởi động		Hiệu ứng khởi động
		Chủ động	Bị động	
Chủ động	Giống	.95	.77	.18
	Khác	.98	.92	.06
Bị động	Giống	.01	.23	.22
	Khác	.00	.06	.06

Ngoài ra, đối với câu chủ động mục tiêu, hiệu ứng khởi động trong điều kiện động từ giống nhau (18%) lớn hơn nhiều so với hiệu ứng trong điều kiện động từ khác nhau (6%). Điều này cũng xảy ra tương tự với câu bị động mục tiêu, điều kiện động từ giống nhau (22%) lớn hơn nhiều so với hiệu ứng trong điều kiện động từ khác nhau (6%). Kết quả này chứng minh sự tồn tại của hiệu ứng tăng cường từ vựng. Người học dễ dàng tạo lại cấu trúc mục tiêu nếu động từ giữa câu KĐ và câu MT giống nhau. Điều này đồng nghĩa với việc BTCP của người học chưa thể trừu tượng ngay mà còn phụ thuộc vào từng từ vựng cụ thể (Schoonbaert & cs., 2007; Bernolet & cs., 2013).

Như vậy có thể kết luận, đối với cấu trúc có trật tự từ giống nhau giữa hai ngôn ngữ như câu chủ động và câu bị động, người học có thể hình thành BTCP phi trừu tượng, chủ yếu dựa vào từ vựng. Điều tương tự có thể xảy ra đối với cấu trúc khác cũng có trật tự từ giống nhau giữa hai ngôn ngữ, ví dụ như cấu trúc tặng cách hay không? Để trả lời câu hỏi trên, nghiên cứu này tiếp tục thực hiện thí nghiệm 2.

4. Thí nghiệm 2

4.1 Phương pháp nghiên cứu

4.1.1 Khách thể nghiên cứu

Giống thí nghiệm 1

4.1.2 Thiết kế thí nghiệm

Giống thí nghiệm 1

4.1.3 Tài liệu thí nghiệm

Số lượng tài liệu thí nghiệm giống như thí nghiệm 1. Tuy nhiên, câu KĐ được chia thành 3 điều kiện thí nghiệm, gồm: (1) 10 câu tân ngữ kép (direct object sentences); (2) 10 câu tân ngữ giới từ (prepositional object sentences), và (3) 20 câu khác như câu cảm thán, câu ghép, câu phủ định và câu hỏi). Tất cả các tranh đều có một tác nhân, một người và một vật chịu tác động. Vị trí của tác nhân luôn được đặt ở góc phải của bức tranh. Trong số 20 tranh MT, gốc dưới mỗi tranh đều có một động từ. Các động từ đều mang nghĩa cho tặng (gồm: *draw, give, paint, bake, throw, read, cook, show, knit, toss, buy, make, sew, left, hand, send, sell, rent, write* và *build*) có thể diễn tả bằng câu có cấu trúc tân ngữ kép hoặc tân ngữ giới từ. Đồng thời, để kiểm tra xem thí nghiệm có hiệu ứng tăng cường từ vựng hay không, các động từ giữa câu KĐ và câu MT cũng được chia thành hai điều kiện: (1) giống nhau và (2) khác nhau.

4.1.4 Quy trình thí nghiệm

Giống thí nghiệm 1. Tuy nhiên, để tất cả các khách thể đều đã có đủ kiến thức cú pháp để thực hiện thí nghiệm, trước khi thực hiện thí nghiệm 2 hai tuần, tác giả củng cố kiến thức về cấu trúc câu tặng cách trong tiếng Anh cho các khách thể nghiên cứu bằng ba buổi gặp mặt, mỗi buổi kéo dài 90 phút. Sau ba buổi này, khách thể được yêu cầu làm bài kiểm tra 30 phút (10/10) về cách đặt câu; kết quả bài kiểm tra cho thấy khách thể đạt điểm từ 6 đến 10, điểm trung bình là 7.55 ± 1.16 .

4.1.5 Xử lý số liệu

Các đoạn ghi âm được phát lại và chuyển thành văn bản. Tác giả phân loại và tính số lần tạo ra câu có cấu trúc tân ngữ giới từ và tân ngữ kép trong từng điều kiện khởi động. Câu gồm tân ngữ trực tiếp (chủ thể của hành động) đứng trước tân ngữ gián tiếp (mục tiêu hoặc đối tượng của hành động) và giữa hai tân ngữ không có giới từ sẽ được xem là "câu tân ngữ kép", (ví dụ: *The boy gave the girl the letter.*). Nếu câu có tân ngữ trực tiếp đứng sau tân ngữ gián tiếp và được nối với nhau bằng giới từ (to hoặc for) thì được cho là "câu tân ngữ giới từ" (ví dụ: *The boy gave the letter to the girl.*) Các câu được cho là "câu khác" bao gồm các trường hợp sau: tạo cấu trúc tặng cách không đúng (ví dụ: *The boy was giving the letter./ The boy was giving to the girl the letter.*), tạo động từ vị ngữ là nội động từ (ví dụ: *The girl was sleeping.*), tạo những câu vô nghĩa chỉ có danh từ hoặc không thể tạo được câu.

4.2 Kết quả và thảo luận

Trong hai điều kiện khởi động, khách thể tạo mẫu câu tân ngữ giới từ (864 câu) nhiều hơn câu tân ngữ kép (68 câu). Kết quả kiểm định Paired-Samples T Test cho thấy tần suất xuất hiện của câu tân ngữ giới từ trong điều kiện khởi động câu tân ngữ giới từ và tần suất xuất hiện câu tân ngữ kép trong khởi động câu tân ngữ kép có sự khác biệt (động từ giống: $t(49) = -24.07, p=.000$ và động từ khác: $t(49) = -37.28, p=.000$). Kết quả này tương đồng với McDonough (2006), Flett và cộng sự (2012) và Son (2020). Nguyên nhân là do cấu trúc câu tân ngữ giới từ là cấu trúc phổ biến và thường xuyên xuất hiện trong tiếng Anh, trong khi cấu trúc câu tân ngữ kép thì ít được sử dụng hơn (McDonough, 2006). Ngoài ra, sự lựa chọn cấu trúc L2 ở giai đoạn đầu còn phụ thuộc rất nhiều vào L1; vì trong tiếng Việt, câu tân ngữ giới từ được sử dụng phổ biến

hơn câu tân ngữ kép. Điều này cũng được thể hiện qua lỗi sai thường thấy của khách thể nghiên cứu nói riêng và người Việt Nam học tiếng Anh nói chung, ví dụ như “*The boy kicked to his teammate the ball.*” thay vì đặt câu “*The boy kicked the ball to his teammate.*” Nguyên nhân là do trong tiếng Việt, câu tân ngữ giới từ có thể có hai cách nói: (1) “*Cậu bé đá quả bóng cho đồng đội.*” và (2) “*Cậu bé đá cho đồng đội quả bóng.*”. Nhìn chung, kết quả trên cho thấy, tần số sử dụng cấu trúc câu L1 đóng một vai trò quan trọng trong việc hiểu - sản sinh ngôn ngữ và xây dựng các quy tắc và phạm trù ngôn ngữ L2.

Số câu tân ngữ giới từ mục tiêu trong hai điều kiện khởi động có sự khác biệt về ý nghĩa thống kê (động từ giống: $t(49) = 5.07, p=.000$ và động từ khác: $t(49) = 2.70, p=.009$). Tương tự, số câu tân ngữ kép mục tiêu trong hai điều kiện khởi động cũng có sự khác biệt về ý nghĩa thống kê (động từ giống: $t(49) = 6.47, p=.000$ và động từ khác: $t(49) = 4.06, p=.000$). Tất cả kết quả này cho thấy khi khách thể bị khởi động trong điều kiện cấu trúc câu tặng cách, đều xuất hiện hiệu ứng KĐCP (xem Bảng 3).

Bảng 3. Tỷ lệ và hiệu ứng khởi động của câu tặng cách mục tiêu

Câu mục tiêu	Điều kiện động từ	Điều kiện khởi động		Hiệu ứng khởi động
		Tân ngữ giới từ	Tân ngữ kép	
Tân ngữ giới từ	Giống	.92	.73	.19
	Khác	.94	.87	.07
Tân ngữ kép	Giống	.00	.20	.20
	Khác	.00	.07	.07

Ngoài ra, đối với câu tân ngữ giới từ mục tiêu, hiệu ứng khởi động trong điều kiện động từ giống nhau (19%) lớn hơn nhiều so với hiệu ứng trong điều kiện động từ khác nhau (7%). Điều này cũng xảy ra tương tự với câu tân ngữ kép mục tiêu, điều kiện động từ giống nhau (20%) lớn hơn

nhiều so với hiệu ứng trong điều kiện động từ khác nhau (7%). Kết quả này chứng minh sự tồn tại của hiệu ứng tăng cường từ vựng ở cả hai điều kiện động từ giống và khác nhau. Người học có xu hướng tạo lại cấu trúc mục tiêu ngay cả khi động từ giữa câu KĐ và câu MT không giống nhau.

5. Kết luận

Nghiên cứu này thực hiện phương thức thí nghiệm “Mô tả tranh thông qua nghe kịch bản của người hợp tác” trên đối tượng học sinh từ 10 đến 13 tuổi người Việt Nam dựa vào hai dạng cấu trúc câu: ngoại động từ (thí nghiệm 1) và tặng cách (thí nghiệm 2). Hai thí nghiệm đều phát hiện hiệu ứng KĐCP và hiệu ứng tăng cường từ vựng. Điều này có nghĩa là, đối với cấu trúc có trật tự từ giống nhau giữa hai ngôn ngữ, BTCP của người Việt học tiếng Anh có thể trừu tượng ngay; các tiết điểm từ vựng có thể tạo liên kết đến các tiết điểm cấu trúc kết hợp trong L2. Ngoài ra, sự lựa chọn cấu trúc câu trong tiếng Anh thường chịu sự chi phối của các cấu trúc tương tự được sử dụng nhiều trong tiếng Việt. Vì vậy, tác giả có thể kết luận, việc xử lý cú pháp ở người mới bắt đầu học L2 là theo cơ chế ngôn ngữ phi cụ thể, tức là việc lựa chọn câu L2 phụ thuộc nhiều vào kinh nghiệm sử dụng cả L1 và L2.

Điểm nổi bật của nghiên cứu này chủ yếu tập trung vào thực hiện thí nghiệm với trẻ em mới bắt đầu học L2, thay vì sinh viên đại học như các nghiên cứu trước đây đã làm. Tuy nhiên, vì khách thể nghiên cứu không có sự chênh lệch với nhau về trình độ L2, tác giả vẫn chưa thể tối đa hóa khả năng tìm thấy sự ảnh hưởng của trình độ L2 đến mức độ của hiệu ứng KĐCP. Vì vậy, các nghiên cứu tương lai có thể xem xét sự tương tác này bằng các thí nghiệm thực hiện trên các nhóm đối tượng trẻ em hoặc nhóm đối tượng nhiều lứa tuổi có sự khác biệt về trình độ L2.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bernolet, S., Hartsuiker, R. J., & Pickering, M.J. (2007). Shared syntactic representations in bilinguals: Evidence for the role of word - order repetition. *Journal of Experimental Psychology. Learning, Memory, and Cognition*, 33(5), 931-49.
- Bernolet, S., Hartsuiker, R. J., & Pickering, M. J. (2013). From language - specific to shared syntactic representations: The influence of second language proficiency on syntactic sharing in bilinguals. *Cognition*, 127(3), 287-306.
- Bock, K. (1986). Syntactic persistence in language production. *Cognitive psychology*, 18(3), 355 - 387.
- Chomsky, N. (1965). Aspects of the theory of syntax. MIT Press.
- De Bot, K. (1992). A bilingual production model: Levelt's 'speaking' model adapted. *Applied Linguistics*, 13(1), 1-24.
- Flett, S., Branigan, H. P., & Pickering, M. J. (2012). Are non-native structural preferences affected by native language preferences? *Bilingualism: Language and Cognition*, 16(4), 751-760.
- Hartsuiker, R. J., & Bernolet, S. (2017). The development of shared syntax in second language learning. *Bilingualism: Language and Cognition*, 20(2), 219-234.
- Hartsuiker, R. J., & Bernolet, S. (2018). *Syntactic representations in late learners of a second language: a learning trajectory*. In D. Miller (Ed.), *Bilingual cognition and language: the state of the science across its subfields*, 54, 205-224.
- Hartsuiker, R. J., Pickering, M. J., & Veltkamp, E. (2004). Is syntax separate or shared between languages? *Psychological Science*, 15(6), 409-414.
- Hartsuiker, R.J., & Kolk, H.H.J. (1998). Syntactic facilitation in agrammatic sentence production. *Brain and Language*, 62, 221-254.
- Levelt, W. J. M. (1989). *Speaking: From intention to articulation*. MIT Press.
- Loebell, H., & Bock, K. (2003). Structural priming across languages. *Linguistics*, 41(5), 791-824.
- McDonough, K. & A. Mackey. 2008. Syntactic priming and ESL question development. *Studies in Second Language Acquisition*, 30(1), 31-47.
- McDonough, K. (2006). Interaction and syntactic priming: English L2 speakers' production of dative constructions. *Studies in Second Language Acquisition*, 28, 179-207.
- Pickering, M. J., & Branigan, H. P. (1998). The representation of verbs: Evidence from syntactic priming in language production. *Journal of Memory and Language*, 39(4), 633-651.
- Romano, F. (2017). The basic continuity hypothesis of L1 to L2 production. *Second Language Research*, 34(3), 1-43.
- Schoonbaert, S., Hartsuiker, R. J., & Pickering, M. J. (2007). The representation of lexical and syntactic information in bilinguals: Evidence from syntactic priming. *Journal of Memory and Language*, 56(2), 153-171.

- Son, M. (2020). Cross-linguistic syntactic priming in Korean learners of English. *Applied Psycholinguistics*, 41(5), 1223-1247.
- Ullman, M. T. (2001). The neural basis of lexicon and grammar in first and second language: The declarative/procedural model. *Bilingualism: Language and Cognition*, 4, 105-122.
- Van Gompel, R. P., & Arai, M. (2017). Structural priming in bilinguals. *Bilingualism: Language and Cognition*, 20(5), 895-912.
- 鲍嘉焕. (2017). 英语-汉语跨语言句法启动效应实验研究. 北京外国语大学硕士学位论文. (Bao, J. (2017). *An experimental study of cross-linguistic syntactic priming effects between English and Chinese*. Master's thesis, Beijing Foreign Studies University.)
- 陈媛媛. (2014). 哈-汉双语者句法表征的实验研究. 新疆师范大学硕士学位论文. (Chen, Y. (2014). *An experimental study of syntactic representation in Hahka-Chinese bilinguals*. Master's thesis, Xinjiang Normal University.)
- 邓世俊. (2003). 越南语的“bị”字句对越南学生学习汉语“被”字句的影响. 南京师范大学文学院学报 (1), 167-173. (Deng, S. J. (2003). *The Influence of Vietnamese "Bi" Sentences on Vietnamese Students' Learning of Chinese "Bei" Sentences*. Journal of Nanjing Normal University (Social Science Edition), (1), 167-173.)
- 王瑞明, 杨静 & 李利. (2015). 第二语言学. 华东师范大学出版社. (Wang, R., Yang, J., & Li, L. (2015). *Second language acquisition*. East China Normal University Press.)
- 严春容. (2021). 低水平外语学习者的二语语言内句法启动. 湖北开放职业学院学报, 34(11), 156-158. (Yan, C. R. (2021). Structural priming in L2 sentence production among low-proficiency learners. *Journal of Hubei Open Vocational College*, 34(11), 156-158.)
- 杨琨, 王敏 & 魏行. (2020). 成年学习者二语句法表征发展研究: 来自结构启动的证据. 外语教学与研究(外国语文双月刊), 52(6), 906-918. (Yang, K., Wang, M., & Wei, X. (2020). A study on the development of L2 syntactic representation in adult learners: Evidence from structural priming. *Foreign Language Teaching and Research (bimonthly)*, 52(6), 906-918.)
- 赵晨 (2014). 二语句法表征中的范畴化: 来自结构启动的证据. 外语教学与研究(外国语文双月刊), 46(2), 235-245. (Zhao, C. (2014). Categorization in L2 syntactic representation: Evidence from structural priming. *Foreign Language Teaching and Research (bimonthly)*, 46(2), 235-245.)